TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 06 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T.

Địa chỉ: Cùng trú tại Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 27 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị V và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Trần Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/7/2009 và cháu Trần Quang K sinh ngày 07/08/2017 cho chị Nông Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N và cháu K đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng

nuôi con chị V và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về Tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về án phí: Chị Nông Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, chị Nông Thị V đã nộp theo biên lai thu số 0002005 ngày 17/02/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Trả lại cho chị Nông Thị V 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ